

Số: 44 /NQ-HĐND

An Giang, ngày 11 tháng 12 năm 2019

**NGHỊ QUYẾT**

**Điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020 và cho ý kiến báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG  
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định về tiêu chí dự án trọng điểm nhóm C trên địa bàn tỉnh An Giang;

Xét Tờ trình số 773/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020 và cho ý kiến báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư chương trình,

dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020, bao gồm:

1. Thống nhất bổ sung quyết định chủ trương đầu tư 05 dự án (trong đó: 04 dự án nhóm B, 01 dự án trọng điểm nhóm C), với tổng mức đầu tư 1.261.196 triệu đồng.

2. Thống nhất điều chỉnh chủ trương đầu tư 01 chương trình và 10 dự án (trong đó: 08 dự án nhóm B, 02 dự án trọng điểm nhóm C), với tổng mức đầu tư 1.399.295 triệu đồng.

3. Thống nhất báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư 01 dự án nhóm B, với tổng mức đầu tư 499.977 triệu đồng, làm cơ sở để Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

*(Danh mục chi tiết theo Phụ lục số 01, 02 và 03 đính kèm)*

**Điều 2.** Các danh mục dự án khác giữ nguyên theo danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017, Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 và Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C, sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020.

**Điều 3.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Điều 1 Nghị quyết này.

**Điều 4.** Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa IX kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Website Chính phủ;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVN tại AG, Báo Nhân dân tại AG, Truyền hình Quốc hội tại Kiên Giang;
- Báo An Giang, Đài PT-TH AG;
- Website tỉnh, Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Tổng hợp.



**CHỦ TỊCH**

**Võ Anh Kiệt**



**PHỤ LỤC 01**

**DANH MỤC BỔ SUNG BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN NHÓM B VÀ TRỌNG ĐIỂM NHÓM C**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

*ĐVT: Triệu đồng*

| STT                                 | Lĩnh vực danh mục dự án  | Địa điểm   | Chủ đầu tư                  | Quy mô đầu tư  | Mục tiêu đầu tư   | Tổng mức đầu tư | Cơ cấu nguồn vốn đầu tư |                |                |   | Thời gian thực hiện trong giai đoạn | Tiến độ thực hiện dự kiến |  |
|-------------------------------------|--|--|-----------------------------|--|---|-----------------|-------------------------|----------------|----------------|---|-------------------------------------|---------------------------|--|
|                                     |  |  |                             |  |   |                 | Vốn NS TW hỗ trợ        | Vốn NS Tỉnh    | Vốn NS Huyện   | Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn doanh nghiệp, vốn vay,...) |                                     |                           |  |
| 1                                   | 2  | 3  | 4                           | 5  | 6   | 7               | 8                       | 9              | 10             | 11  | 12                                  | 13                        |  |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                    |  |  |                             |  |   |                 | <b>1.261.196</b>        | <b>787.882</b> | <b>473.314</b> | <b>0</b>  | <b>0</b>                            |                           |  |
| <b>A Dự án nhóm B</b>               |  |  |                             |  |   |                 | <b>1.207.833</b>        | <b>757.882</b> | <b>449.951</b> | <b>0</b>  | <b>0</b>                            |                           |  |
| <b>I Thương mại du lịch</b>         |  |  |                             |  |   |                 | <b>86.531</b>           | <b>0</b>       | <b>86.531</b>  | <b>0</b>  | <b>0</b>                            |                           |  |
| 1                                   | Hạ tầng Khu tái định cư Vĩnh Xương mở rộng   | Tân Châu   | BQL KKT                     | 79.095,40m <sup>2</sup>  | Thực vụ tái định cư cho các hộ dân thuộc các dự án đầu tư xây dựng tại khu vực cửa khẩu Vĩnh Xương  | 86.531          |                         | 86.531         |                |   | 2020-2024                           | 05 năm                    |  |
| <b>II Giáo dục và đào tạo</b>       |  |  |                             |  |   |                 | <b>62.470</b>           | <b>0</b>       | <b>62.470</b>  | <b>0</b>  | <b>0</b>                            |                           |  |
| 1                                   | Tạo quỹ đất xây dựng Phân hiệu Trường Đại học Tôn Đức Thắng  | Châu Thành   | UBND huyện Châu Thành       | Tổng diện tích đất dự án: 1,891 ha, trong đó:<br>- Diện tích đầu tư Khu tái định cư: 1,021 ha.<br>- Diện tích thu hồi (bồi hoàn): 0,87 ha.                                       | Xây dựng hạ tầng khu dân cư phục vụ tái định cư cho các hộ dân có nhà, đất, vật kiến trúc bị thu hồi xây dựng Phân hiệu Trường Đại học Tôn Đức Thắng  | 62.470          |                         | 62.470         |                |   | 2018-2022                           | 05 năm                    |  |
| <b>III Tài nguyên và môi trường</b> |  |  |                             |  |   |                 | <b>64.133</b>           | <b>0</b>       | <b>64.133</b>  | <b>0</b>  | <b>0</b>                            |                           |  |
| 1                                   | Trang bị trạm quan trắc môi trường tự động tỉnh An Giang   | An Phú, Thoại Sơn, Phú Tân, Tri Tôn, Châu Thành, TX Tân Châu | Sở Tài nguyên và Môi trường | Đầu tư các trang thiết bị lắp đặt cho 07 trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt, đầu tư nâng cấp 01 trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt, thiết bị Trung tâm điều hành | Trang bị hoàn chỉnh hệ thống quan trắc tự động trên địa bàn tỉnh giúp quản lý, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường có hiệu quả.  | 64.133          |                         | 64.133         |                |   | 2019-2020                           | 02 năm                    |  |
| <b>IV Giao thông vận tải</b>        |  |  |                             |  |   |                 | <b>994.699</b>          | <b>757.882</b> | <b>236.817</b> | <b>0</b>  | <b>0</b>                            |                           |  |
| 1                                   | Năng cấp Đường phục vụ an ninh quốc phòng kết hợp với để ngăn lũ vùng tứ giác Long Xuyên đoạn từ Châu Đốc – Cửa khẩu Tịnh Biên, tỉnh An Giang (ĐT955A) | Tịnh Biên  | BQLDA CTGT                  | 21150m   | Đảm bảo an ninh quốc phòng vùng biên giới, phục vụ nhu cầu giao thông vận tải của địa phương, củng cố hệ thống để bao kiểm soát lũ phục vụ sản xuất nông nghiệp, nâng cấp hệ thống giao thông đường vành đai biên giới, từng bước hoàn thiện hệ thống giao thông đường bộ trong tỉnh An Giang theo quy hoạch, góp phần phát triển kinh tế của khu vực | 994.699         | 757.882                 | 236.817        |                |   | 2016-2020                           | 05 năm                    |  |
| <b>B Dự án trọng điểm nhóm C</b>    |  |  |                             |  |   |                 | <b>53.363</b>           | <b>30.000</b>  | <b>23.363</b>  | <b>0</b>  | <b>0</b>                            |                           |  |
| <b>I Xã hội</b>                     |  |  |                             |  |   |                 | <b>53.363</b>           | <b>30.000</b>  | <b>23.363</b>  | <b>0</b>  | <b>0</b>                            |                           |  |
| 1                                   | Cụm dân cư ấp Mỹ Hòa xã Mỹ Hội Đông  | Chợ Mới  | UBND huyện Chợ Mới          | 53.102m <sup>2</sup>   | Thực vụ tái định cư cho các hộ dân vùng sạt lở xã Mỹ Hội Đông và địa bàn huyện Chợ Mới nói chung  | 53.363          | 30.000                  | 23.363         |                |   | 2017-2020                           | 4 năm                     |  |

*MM*



**PHỤ LỤC 02**  
**DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN NHÓM B VÀ TRỌNG ĐIỂM NHÓM C**  
 (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

ĐVT: Triệu đồng

| STT              | Lĩnh vực/danh mục dự án   | Địa điểm              | Chủ trương đầu tư đã được phê duyệt                             |  |  |   |                 | Nội dung đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư |             |              |   |                                     |                           |   |   |                 |                         |             |              |   |                                     |                           |        |
|------------------|---|-----------------------|---|--|--|---|-----------------|---|-------------|--------------|---|-------------------------------------|---------------------------|---|---|-----------------|-------------------------|-------------|--------------|---|-------------------------------------|---------------------------|--------|
|                  |   |                       | Chủ đầu tư  | Nghị quyết số HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư | Quy mô đầu tư  | Mục tiêu đầu tư   | Tổng mức đầu tư | Cơ cấu nguồn vốn đầu tư                       |             |              |   | Thời gian thực hiện trong giai đoạn | Tiến độ thực hiện dự kiến | Quy mô đầu tư   | Mục tiêu đầu tư   | Tổng mức đầu tư | Cơ cấu nguồn vốn đầu tư |             |              |   | Thời gian thực hiện trong giai đoạn | Tiến độ thực hiện dự kiến |        |
|                  |   |                       |   |  |  |   |                 | Vốn NS TW hỗ trợ                              | Vốn NS Tỉnh | Vốn NS Huyện | Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn doanh nghiệp, vốn vay,...) |                                     |                           |   |   |                 | Vốn NS TW hỗ trợ        | Vốn NS Tỉnh | Vốn NS Huyện | Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn doanh nghiệp, vốn vay,...) |                                     |                           |        |
| 1                | 2   | 3                     | 4   | 5  | 6  | 7   | 8               | 9   | 10          | 11           | 12  | 13                                  | 14                        | 15  | 16  | 17              | 18                      | 19          | 20           | 21  | 22                                  | 23                        |        |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |   |                       |   |  |  |   |                 | 1.276.449                                     | 366.859     | 749.323      | 74.846  | 85.421                              |                           |   |   | 1.399.295       | 270.122                 | 961.834     | 164.443      | 2.896   |                                     |                           |        |
| <b>A</b>         | <b>Chương trình</b>   |                       |   |  |  |   | 31.171          | 0   | 20.000      | 0            | 11.171  | 2016-2020                           | 05 năm                    |   |   | 9.800           | 1.522                   | 5.382       | 0            | 2.896   |                                     |                           |        |
| 1                | Chương trình hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng của HTX nông, lâm, ngư nghiệp tỉnh An Giang giai đoạn 2016 - 2020 | Huyện, thị, thành phố | Liên minh HTX tỉnh  | Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08/12/2017     | 10 HTX NN  | Nhằm thúc đẩy hoạt động của HTX nông, lâm, ngư nghiệp hoạt động theo quy định của Luật HTX năm 2012, phát huy ưu thế của HTX kiểu mới, làm ăn có hiệu quả, góp phần phát triển nông nghiệp bền vững trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế. Tạo điều kiện thúc đẩy HTX NN tham gia sản xuất theo mô hình "Cánh đồng lớn" gắn với doanh nghiệp, thúc đẩy quá trình mua chung, bán chung trong HTX. | 31.171          |   | 20.000      |              | 11.171  | 2016-2020                           | 05 năm                    | 04 HTX NN   | Nhằm thúc đẩy hoạt động của HTX nông, lâm, ngư nghiệp hoạt động theo quy định của Luật HTX năm 2012, phát huy ưu thế của HTX kiểu mới, làm ăn có hiệu quả, góp phần phát triển nông nghiệp bền vững trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế. Tạo điều kiện thúc đẩy HTX NN tham gia sản xuất theo mô hình "Cánh đồng lớn" gắn với doanh nghiệp, thúc đẩy quá trình mua chung, bán chung trong HTX.   | 9.800           | 1.522                   | 5.382       |              | 2.896   | 2016-2020                           | hết năm 2020              |        |
| <b>B</b>         | <b>Dự án nhóm B</b>   |                       |   |  |  |   | 1.144.868       | 366.859                                       | 653.225     | 50.534       | 74.250  |                                     |                           |   |   | 1.289.202       | 268.600                 | 880.354     | 140.248      | 0   |                                     |                           |        |
| I                | <b>Nông nghiệp và phát triển nông thôn</b>  |                       |   |  |  |   | 96.264          | 10.000  | 86.264      | 0            | 0   |                                     |                           |   |   | 95.002          | 10.000                  | 85.002      | 0            | 0   |                                     |                           |        |
| 1                | Khu tái định cư Bình Đức (phục vụ tái định cư khác phục sự lệ bờ hữu sông Hậu phường Bình Đức và Bình Khánh)            | TP Long Xuyên         | Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh An Giang            | Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08/12/2017     | Diện tích san lấp 51.853m <sup>2</sup>                   | Tạo điều kiện cho người dân khu vực sát lộ có được chỗ ở ổn định song song với việc tạo môi trường sống tốt hơn góp phần cho sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh  | 96.264          | 10.000  | 86.264      |              |   | 2016-2020                           | 05 năm                    | Tăng 205,90 m <sup>2</sup> do quá trình bồi hoàn thực tế một số vị trí thuộc biên thu hồi, diện tích sử dụng còn lại của người dân nhỏ lẻ không đảm bảo điều kiện sử dụng nên các hộ đề nghị thu hồi hết. Tổng cộng diện tích bồi hoàn là 53.656,90m <sup>2</sup> | Bổ sung hạ tầng để tăng số lượng nhà phục vụ tái định cư  | 95.002          | 10.000                  | 85.002      |              |   | 2016-2020                           | hết năm 2020              |        |
| II               | <b>Giao thông vận tải</b>   |                       |   |  |  |   | 300.115         | 112.000                                       | 188.115     | -            | -   |                                     |                           |   |   | 444.268         | 112.000                 | 332.268     | -            | -   |                                     |                           |        |
| 1                | Nâng cấp mở rộng khẩn cấp đường tỉnh 948 thuộc tuyến quốc phòng an ninh vùng biên giới và dân tộc                       | Tỉnh Biên             | UBND huyện Tịnh Biên  | Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08/12/2017     | 9.601m   | Nhằm từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông trong khu vực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội giữa các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long với nước bạn Campuchia,   | 300.115         | 112.000                                       | 188.115     |              |   | 2016-2020                           | 5 năm                     | 9.601m  | Nhằm từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông trong khu vực qua đó tạo điều kiện giao thông thông suốt, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội giữa các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long với nước bạn Campuchia, đảm bảo đồng thời thuận lợi cho việc phát triển bền vững khu du lịch Núi Cấm, đặc biệt huyện Tịnh Biên là khu vực trọng điểm của tỉnh và là vùng biên giới nên đường tỉnh 948 còn phục vụ khẩn cấp cho vấn đề an ninh quốc phòng trong khu vực | 444.268         | 112.000                 | 332.268     |              |   | 2017-2022                           | 5 năm                     |        |
| III              | <b>Tài nguyên môi trường, cấp nước, thoát nước và xử lý rác thải, nước thải</b>   |                       |   |  |  |   | 261.587         | 98.259  | 89.078      | 0            | 74.250  |                                     |                           |   |   | 162.270         | 0                       | 72.556      | 89.714       | 0   |                                     |                           |        |
| 1                | Khu tái định cư Tây Đại học mở rộng phường Mỹ Phước, Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang                        | Long Xuyên            | UBND TPLX   | Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08/12/2017     | Diện tích 99.976m <sup>2</sup> + HTKT,....               | Nhằm tạo quỹ đất, bố trí tái định cư cho các hộ dân bị di dời, giải phóng mặt bằng dự án mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam-tiêu dự án thành phố Long Xuyên và các dự án trên địa bàn thành phố,....  | 261.587         | 98.259  | 89.078      | 74.250       |   | 2017-2021                           | 05 năm                    | Diện tích 60.152m <sup>2</sup> + HTKT,....  | Khu dân cư phục vụ tái định cư cho các hộ dân phải di dời thuộc: (1) Tái định cư cho tiêu dự án thành phố Long Xuyên, (2) Tái định cư cho tiêu dự án Kê bảo vệ khu vực Tịnh úy.   | 162.270         |                         | 72.556      | 89.714       |   |                                     | 2019 - 2023               | 05 năm |
| IV               | <b>Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp</b>   |                       |   |  |  |   | 146.077         | 0   | 146.077     | 0            | 0   |                                     |                           |   |   | 0               | 204.286                 | 0           | 204.286      | 0   | 0                                   |                           |        |
| 1                | Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh An Giang   | Long Xuyên            | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển đô thị An Giang | Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08/12/2017     | Khởi công học, hội trường, công trình phụ trợ, HTKT,.... | Việc đầu tư xây dựng Trung tâm Giáo dục Thường xuyên An Giang nhằm tăng cường cơ sở vật chất cho trung tâm, cơ điều kiện để nâng cao chất lượng giáo dục, nâng cao dân trí, đào tạo nhân tài phục vụ cho chiến lược phát triển kinh tế xã hội của đất nước và xứng tầm với trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh.  | 41.758          |   | 41.758      |              |   | GD 1: 2016-2020, GD 2: sau 2020     | 05 năm                    | XD: Khởi công học + 02HT 120 chỗ, 01 HT 200 chỗ, Công trình phụ trợ ....  | Đầu tư xây dựng Trung tâm giáo dục thường xuyên An Giang nhằm giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông đáp ứng nhu cầu của người học tập, cấp nhật kiến thức, kỹ năng, chuyên giao công nghệ  | 53.179          |                         | 53.179      |              |   | 2018-2022                           | 05 năm                    |        |

| STT   | Lĩnh vực/danh mục dự án                               | Địa điểm                  | Chủ đầu tư                     | Chủ trương đầu tư đã được phê duyệt       |  |  |                 |                         |             |              |   |                                     |                           | Nội dung để xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư  |  |                 |                         |             |              |   |                                     |                           |        |
|---|---|---------------------------|--------------------------------|---|--|--|-----------------|-------------------------|-------------|--------------|---|-------------------------------------|---------------------------|--|--|-----------------|-------------------------|-------------|--------------|---|-------------------------------------|---------------------------|--------|
|   |   |                           |                                | Nghị quyết HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư | Quy mô đầu tư  | Mục tiêu đầu tư  | Tổng mức đầu tư | Cơ cấu nguồn vốn đầu tư |             |              |   | Thời gian thực hiện trong giai đoạn | Tiến độ thực hiện dự kiến | Quy mô đầu tư  | Mục tiêu đầu tư  | Tổng mức đầu tư | Cơ cấu nguồn vốn đầu tư |             |              |   | Thời gian thực hiện trong giai đoạn | Tiến độ thực hiện dự kiến |        |
|   |   |                           |                                |   |  |  |                 | Vốn NS TW hỗ trợ        | Vốn NS Tỉnh | Vốn NS Huyện | Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn doanh nghiệp, vốn vay,...) |                                     |                           |  |  |                 | Vốn NS TW hỗ trợ        | Vốn NS Tỉnh | Vốn NS Huyện | Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn doanh nghiệp, vốn vay,...) |                                     |                           |        |
| 2   | Trường Chính trị Tôn Đức Thắng                        | Long Xuyên                | Trường Chính trị Tôn Đức Thắng | Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08/12/2017  | Diện tích đất: 40.025 m <sup>2</sup><br>Khối hội trường - thư viện 5 tầng;<br>Cải tạo khối giảng đường lớn; Cải tạo khối ký túc xá 2 tầng; Cải tạo khối ký túc xá 3 tầng ... | Tăng cường cơ sở vật chất cho trường, phục vụ nhu cầu đào tạo bồi dưỡng cán bộ đảng viên, nâng cao chất lượng đào tạo nhân tài phục vụ cho chiến lược phát triển kinh tế xã hội của đất nước và của tỉnh.  | 104.319         |                         | 104.319     |              |   | 2016-2023                           | 05 năm                    | Diện tích đất: 40.025 m <sup>2</sup><br>Khối hội trường - thư viện 5 tầng; Cải tạo khối giảng đường lớn; Cải tạo khối ký túc xá 2 tầng; Cải tạo khối ký túc xá 3 tầng ...; Ký túc xá + nhà khách (bổ sung) | Tăng cường cơ sở vật chất cho trường, phục vụ nhu cầu đào tạo bồi dưỡng cán bộ đảng viên, nâng cao chất lượng đào tạo nhân tài phục vụ cho chiến lược phát triển kinh tế xã hội của đất nước và của tỉnh.  | 151.107         |                         | 151.107     |              |   | 2016-2023                           | 05 năm                    |        |
| <b>V/ Thể thao</b>                                    |   |                           |                                |   |  |  | 55.034          | 0                       | 4.500       | 50.534       | 0   |                                     |                           |  |  | 55.034          | 0                       | 4.500       | 50.534       | 0   |                                     |                           |        |
| 1   | Sân đua bò huyện Tri Tôn                              | xã Núi Tô- huyện Tri Tôn  | UBND huyện Tri Tôn             | Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08/12/2017  | Diện tích khu đất khoảng 5,529ha, quy mô khoảng 50.000 người, bao gồm các hạng mục: Khán đài, sân thể thao, công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị           | Nhằm chính sơ sở vật chất để thu hút khách tham đến xem lễ hội ngày càng nhiều hơn, qua đó góp phần phát huy nét văn hóa truyền thống đặc trưng huyện miền núi Tri Tôn   | 55.034          |                         | 4.500       | 50.534       |   | Sau 2020                            | 03 năm                    | Diện tích khu đất khoảng 5,529ha, quy mô khoảng 50.000 người, bao gồm các hạng mục: Khán đài, sân thể thao, công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị   | Nhằm chính sơ sở vật chất để thu hút khách tham đến xem lễ hội ngày càng nhiều hơn, qua đó góp phần phát huy nét văn hóa truyền thống đặc trưng huyện miền núi Tri Tôn   | 55.034          |                         | 4.500       | 50.534       | 0   | 0                                   | 2017-2020                 | 04 năm |
| <b>VI/ Quốc phòng, an ninh</b>                        |   |                           |                                |   |  |  | 106.979         | 80.000                  | 26.979      | 0            | 0   |                                     |                           |  |  | 149.619         | 80.000                  | 69.619      | 0            | 0   |                                     |                           |        |
| 1   | Đường ra Trạm kiểm soát Phú Hội (939)                 | Phú Hội, An Phú, An Giang | Bộ Chỉ huy BBQP tỉnh An Giang  | Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08/12/2017  | 4,830,16 đường + Công trình phụ trợ  | Nhằm tạo sự kết nối thông suốt giữa trung tâm xã với trạm kiểm soát, phục vụ tuần tra, kiểm soát đường biên giới, cột mốc, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ và góp phần củng cố hạ tầng cơ sở phục vụ nhiệm vụ quốc phòng an ninh.  | 106.979         | 80.000                  | 26.979      |              |   | 2016-2020                           | 05 năm                    | Chiều dài tuyến đường 4,83 km, bề rộng mặt đường 07 m; hạ tầng kỹ thuật + công trình phụ trợ (trong đó có đầu tư xây dựng hệ thống trung, hạ thế dẫn ra Trạm Kiểm soát)                                    | Nhằm tạo sự kết nối thông suốt giữa trung tâm xã với trạm kiểm soát, phục vụ tuần tra, kiểm soát đường biên giới, cột mốc, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ và góp phần củng cố hạ tầng cơ sở phục vụ nhiệm vụ quốc phòng an ninh.  | 149.619         | 80.000                  | 69.619      |              |   | 2016-2020                           | hết năm 2020              |        |
| <b>VII/ Y tế, dân số và vệ sinh an toàn thực phẩm</b> |   |                           |                                |   |  |  | 178.812         | 66.600                  | 112.212     | 0            | 0   |                                     |                           |  |  | 178.723         | 66.600                  | 112.123     | 0            | 0   |                                     |                           |        |
|   | Định viện Y học cổ truyền                             | LX                        | Ban QLDA ĐTXD&KV PTĐT tỉnh     | Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08/12/2017  | 100 giường bệnh  | Nhằm từng bước nâng cao chất lượng khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền, kết hợp y học hiện đại, góp phần làm giảm tình trạng quá tải của các bệnh viện.  | 178.812         | 66.600                  | 112.212     |              |   | 2016-2020                           | 05 năm                    | 100 giường bệnh  | Nhằm từng bước nâng cao chất lượng khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền, kết hợp y học hiện đại, góp phần làm giảm tình trạng quá tải của các bệnh viện.  | 178.723         | 66.600                  | 112.123     |              |   | 2019-2023                           | 05 năm                    |        |
| <b>C/ Dự án trọng điểm nhóm C</b>                     |   |                           |                                |   |  |  | 100.410         | 0                       | 76.098      | 24.312       | 0   |                                     |                           |  |  | 100.293         | 0                       | 76.098      | 24.195       | 0   |                                     |                           |        |
| <b>I/ Văn hóa, thể thao và du lịch</b>                |   |                           |                                |   |  |  | 40.000          | 0                       | 30.000      | 10.000       | 0   |                                     |                           |  |  | 40.000          | 0                       | 30.000      | 10.000       | 0   |                                     |                           |        |
| 1   | Nhà thi đấu thể thao thị xã Tân Châu                  | Tân Châu                  | UBND thị xã Tân Châu           | Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08/12/2017  | Diện tích 8.034 m <sup>2</sup> . Khối công trình chính + TB+ công trình phụ trợ + HTKT   | Phục vụ tổ chức các cuộc thi, hội thao thể dục thể thao cấp thị xã, các hoạt động thể dục thể thao quần chúng và các giải thi đấu các môn thể thao khác trong tỉnh. Tạo môi trường thi đấu, sinh hoạt rèn luyện thể chất lành mạnh cho nhân dân địa phương. Tổ chức đào tạo, huấn luyện, cung ứng dịch vụ đáp ứng nhu cầu vui chơi thể dục thể thao trong nhân dân, thúc đẩy sự phát triển của phong trào thể dục thể thao quần chúng và thể thao chuyên nghiệp. | 40.000          |                         | 30.000      | 10.000       |   | Sau 2020                            | 04 năm                    | Diện tích 8.034 m <sup>2</sup> . Khối công trình chính + TB+ công trình phụ trợ + HTKT   | Phục vụ tổ chức các cuộc thi, hội thao thể dục thể thao cấp thị xã, các hoạt động thể dục thể thao quần chúng và các giải thi đấu các môn thể thao khác trong tỉnh. Tạo môi trường thi đấu, sinh hoạt rèn luyện thể chất lành mạnh cho nhân dân địa phương. Tổ chức đào tạo, huấn luyện, cung ứng dịch vụ đáp ứng nhu cầu vui chơi thể dục thể thao trong nhân dân, thúc đẩy sự phát triển của phong trào thể dục thể thao quần chúng và thể thao chuyên nghiệp. | 40.000          |                         | 30.000      | 10.000       |   |                                     | 2017-2020                 | 04 năm |
| <b>II/ Giao thông vận tải</b>                         |   |                           |                                |   |  |  | 60.410          | -                       | 46.098      | 14.312       | -   |                                     |                           |  |  | 60.293          | -                       | 46.098      | 14.195       | -   |                                     |                           |        |
| 1   | Tuyến đường giao thông nông thôn Cán Đăng - Vĩnh Hạnh | Châu Thành                | UBND CT                        | Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08/12/2017  | 16.219m  | Tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, vận chuyển hàng hoá, nông sản của người dân trong khu vực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội địa phương.  | 60.410          |                         | 46.098      | 14.312       |   | 2016-2019                           | 03 năm                    | 16.219m  | Tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, vận chuyển hàng hoá, nông sản của người dân trong khu vực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội địa phương.  | 60.293          |                         | 46.098      | 14.195       |   |                                     | 2017-2021                 | 04 năm |



**PHỤ LỤC 03**

**DANH MỤC CHO Ý KIẾN BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN NHÓM B VÀ TRỌNG ĐIỂM NHÓM C**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

ĐVT: Triệu đồng

| STT              | Lĩnh vực/danh mục dự án   | Địa điểm | Chủ đầu tư         | Quy mô đầu tư  | Mục tiêu đầu tư  | Tổng mức đầu tư | Cơ cấu nguồn vốn đầu tư |             |              |   | Thời gian thực hiện trong giai đoạn | Tiến độ thực hiện dự kiến |
|------------------|---------------------------|----------|--------------------|--|--|-----------------|-------------------------|-------------|--------------|---|-------------------------------------|---------------------------|
|                  |                           |          |                    |  |  |                 | Vốn NS TW hỗ trợ        | Vốn NS Tỉnh | Vốn NS Huyện | Vốn khác (Vốn 135, miễn thủy lệ phí, vốn doanh nghiệp, vốn vay,...) |                                     |                           |
| 1                | 2                         | 3        | 4                  | 5  | 6  | 7               | 8                       | 9           | 10           | 11  | 12                                  | 13                        |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |                           |          |                    |  |  | 499.977         | 499.977                 | 0           | 0            | 0   |                                     |                           |
| <b>A</b>         | <b>Dự án nhóm B</b>       |          |                    |  |  | 499.977         | 499.977                 | 0           | 0            | 0   |                                     |                           |
| <b>I</b>         | <b>Giao thông vận tải</b> |          |                    |  |  | 499.977         | 499.977                 | 0           | 0            | 0   |                                     |                           |
| 1                | Đường kênh Long Điền A-B  | Chợ Mới  | UBND huyện Chợ Mới | Chiều dài tuyến đường 27.200m; xây dựng mới 05 cầu trên tuyến mới; xây dựng mới 04 cầu song hành; cống thoát nước ngang đường. | Hoàn chỉnh hệ thống giao thông cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, về lâu dài sẽ thay thế tuyến đường tỉnh 946 hiện nay đang bị sạt lở nghiêm trọng và kết nối mạng lưới giao thông giữa các trung tâm hành chính và các vùng lân cận thuộc tỉnh An Giang và Đồng Tháp | 499.977         | 499.977                 |             |              |   | 2019-2024                           | 05 năm                    |

1/17